



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số 146/QLCL-QLT, ngày 25 tháng 01 năm 2024)

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	15.01.04	Toán	10.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	15.01.09	Toán	13.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	15.01.07	Toán	8.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	15.01.05	Toán	14.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	15.01.06	Toán	11.500	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	15.02.08	Vật lí	18.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	15.02.02	Vật lí	15.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	15.02.10	Vật lí	12.750	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	15.02.01	Vật lí	18.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	15.02.09	Vật lí	13.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	15.02.03	Vật lí	12.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	15.02.07	Vật lí	18.750	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	15.02.05	Vật lí	11.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	15.03.01	Hoá học	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	15.03.04	Hoá học	28.125	Nhất	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	15.03.08	Hoá học	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	15.03.03	Hoá học	24.375	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	15.03.05	Hoá học	22.375	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	15.03.06	Hoá học	21.625	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	15.03.07	Hoá học	21.750	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	15.03.02	Hoá học	20.875	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	15.04.06	Sinh học	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
23	15.04.03	Sinh học	25.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	15.04.05	Sinh học	23.250	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
25	15.04.04	Sinh học	19.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	15.04.07	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
27	15.04.02	Sinh học	18.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
28	15.04.08	Sinh học	17.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số 146/QLCL-QLT, ngày 25 tháng 01 năm 2024)

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	15.05.07	Tin học	21.800	Nhất	10	THPT chuyên Lê Quý Đôn
30	15.05.08	Tin học	11.930	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
31	15.05.03	Tin học	13.740	Nhì	10	THPT chuyên Lê Quý Đôn
32	15.05.04	Tin học	13.460	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
33	15.05.10	Tin học	10.610	Ba	10	THPT chuyên Lê Quý Đôn
34	15.05.09	Tin học	7.150	K.Khích	10	THPT chuyên Lê Quý Đôn
35	15.05.05	Tin học	12.200	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
36	15.05.02	Tin học	17.240	Nhì	10	THPT chuyên Lê Quý Đôn
37	15.06.03	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
38	15.06.10	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
39	15.06.04	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
40	15.06.01	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
41	15.06.09	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
42	15.06.07	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
43	15.07.02	Lịch sử	13.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
44	15.07.08	Lịch sử	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
45	15.08.05	Địa lí	11.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	15.08.06	Địa lí	11.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
47	15.08.04	Địa lí	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
48	15.08.02	Địa lí	11.250	K.Khích	11	THPT Phan Châu Trinh
49	15.08.03	Địa lí	12.750	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
50	15.08.07	Địa lí	12.250	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 50 thí sinh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Công văn số 146/QLCL-QLT, ngày 25 tháng 01 năm 2024)

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	15.09.05	Tiếng Anh	5.55	3.40	3.90	1.6	14.450	Nhì	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	15.09.04	Tiếng Anh	6	3.10	2.90	1.3	13.300	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	15.09.08	Tiếng Anh	5.60	3	2.50	1.6	12.700	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	15.09.06	Tiếng Anh	5.95	3.20	3.40	1.65	14.200	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	15.09.02	Tiếng Anh	6.10	4	3.20	1.15	14.450	Nhì	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	15.09.03	Tiếng Anh	6	2.90	3.30	1.4	13.600	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	15.09.01	Tiếng Anh	6.10	2.40	3.10	1.2	12.800	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	15.11.01	Tiếng Pháp	7.6	2.25	4.4	1.35	15.600	Nhì	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	15.11.06	Tiếng Pháp	5.85	2.75	3.8	1.35	13.750	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	15.11.05	Tiếng Pháp	5.75	2.25	4	1.55	13.550	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	15.11.07	Tiếng Pháp	5	2.75	3.9	1.2	12.850	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 11 thí sinh